



# PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

## 1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CN895Series
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP XP210 Yellow Scitex ink
Công dụng đề nghị	In phun
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Danh Tính Công Ty	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh (Sài Gòn) Việt Nam Điện Thoại +84437245550  HP Inc. health effect line (Toll-free within US) 1-800-457-4209 (Direct) 1-760-710-0048 HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US) 1-800-474-6836 (Direct) 1-208-323-2551 Email: hpcustomer.inquiries@hp.com

## 2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.	
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Chất độc sinh sản	Loại 2
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy cơ trường diễn đối với môi trường nước	Loại 3
Các thành phần của nhãn		
Ký hiệu hiểm họa	Không có.	
Từ cảnh báo	Không có.	
Công bố hiểm họa	Không có.	
Thông điệp đề phòng		
Phòng Ngừa	Không có.	
Ứng phó	Không có.	
Bảo Quản	Không có.	
Thải bỏ	Không có.	
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Diphenyl (2,4,6-trimethylbenzoyl) phosphineoxide – Trong thử nghiệm ở động vật, nguy cơ giảm khả năng sinh sản chỉ được thấy sau khi nuốt vào chất này với liều dùng rất cao.	
Thông tin thêm	Không có.	

## 3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

### Các hỗn hợp

#### Thành phần nguy hại

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Diphenyl (2,4,6-trimethylbenzoyl) phosphine		Độc quyền	2.5 - 5
2-BENZYL-2-DIMETYLAMINO-4'-MORPHOLINOBUTYROPHENONE		119313-12-1	< 1

#### Các thành phần không nguy hiểm

Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
multifunctional acrylate		Độc quyền	25 - 40
Axit cacbonxilic, Este		Độc quyền	10 - 25
Vinylcaprolactam		Độc quyền	10 - 25
Alkyl Acrylate Ester		Độc quyền	2.5 - 5

---

## 4. Các biện pháp sơ cứu

<b>Hít phải</b>	Đưa ra nơi không khí trong lành. Giữ ấm cho nạn nhân. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Cởi bỏ quần áo đã bị ô nhiễm. Rửa vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Không sử dụng dung môi để loại bỏ phần còn lại của sản phẩm khỏi da. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Không dụi mắt. Tháo kính sát tròng, nếu có và nếu dễ tháo. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Ăn phải</b>	Nếu nuốt phải vật liệu, nhận chăm sóc hoặc tư vấn y tế ngay lập tức – Không gây nôn.
<b>Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện</b>	Không có.

---

## 5. Các biện pháp cứu hỏa

<b>Các chất chữa cháy phù hợp</b>	Hóa chất khô, bột, dioxit cacbon, nước dạng sương.
<b>Chất chữa cháy không phù hợp</b>	Không dùng vòi phun nước.
<b>Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất</b>	Lửa sẽ tạo ra khói đen đặc chứa các sản phẩm cháy nguy hiểm (xem mục 10).
<b>Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy</b>	Tránh để chảy vào cống thoát nước mưa và mương, mà sẽ dẫn đến đường nước.

---

## 6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

<b>Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp</b>	Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh hít hơi nước hoặc sương. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
<b>Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch</b>	Làm sạch bằng chất tẩy rửa. Tránh dung môi.
<b>Các biện pháp để phòng cho môi trường</b>	Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.
<b>Thông tin khác</b>	Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ. Từ từ hút hoặc quét vật liệu vào túi hoặc bình chứa có nắp kín.

---

## 7. Thao tác và bảo quản

<b>Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn</b>	<p>Các hơi này nặng hơn không khí và có thể lan toả dọc theo sàn nhà. Các hơi này có thể tạo thành hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí. Tránh việc tạo ra nồng độ hơi dễ cháy hoặc gây nổ trong không khí và tránh nồng độ hơi cao hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.</p> <p>Chỉ nên sử dụng sản phẩm tại những khu vực đã loại bỏ tất cả các ngọn lửa hở và các nguồn đánh lửa khác. Cần bảo vệ thiết bị điện theo tiêu chuẩn thích hợp.</p> <p>Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện. Cột chặt thùng chứa khi vận chuyển vật liệu. Đi giày có đế dẫn điện.</p> <p>Giữ thùng chứa đóng. Để cách xa nhiệt, tia lửa và ngọn lửa hở – Không hút thuốc. Sử dụng các công cụ không tạo tia lửa khi mở hoặc đóng thùng chứa.</p> <p>Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Không hít khí gas/khói/hơi/bụi hơi. Tránh hít bụi từ vật liệu này.</p> <p>Không dùng áp suất để làm sạch các thùng chứa.</p> <p>Rửa tay trước khi ăn.</p> <p>Không thải bỏ vào cống rãnh.</p> <p>Giữ nhiệt độ trong khoảng 5 đến 35°C.</p> <p>Lưu trữ tuân theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.</p> <p>Đề ở nơi mát và thông khí tốt, tránh xa các nguồn đánh lửa, chất ôxi hóa, chất kiềm mạnh và axit mạnh.</p> <p>Lưu trữ trong thùng chứa kín ở xa các vật liệu không tương thích. Bảo quản chỉ ở vị trí thẳng đứng. Cất giữ tại nơi mà chỉ người có thẩm quyền mới lấy được.</p>
<b>Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ</b>	

## 8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

<b>Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp</b>	Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.
<b>Các giá trị giới hạn sinh học</b>	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
<b>Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm</b>	Chưa được xác định.
<b>Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp</b>	Sử dụng tại khu vực thông khí tốt. Có thể phải có hệ thống thông hơi khu vực bổ sung hoặc thoát khí tại chỗ để duy trì nồng độ không khí dưới các mức giới hạn phơi nhiễm khuyến cáo.
<b>Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân</b>	
<b>Biện pháp bảo vệ mắt/mặt</b>	Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe).
<b>Bảo vệ da</b>	
<b>Bảo vệ tay</b>	Mang bao tay chống hóa chất thích hợp.
<b>Khác</b>	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt. Sử dụng găng tay không lọt bụi.
<b>Bảo vệ đường hô hấp</b>	Mặt nạ lọc khí có phê chuẩn của NIOSH với hộp hoặc bộ phận hơi hữu cơ có thể được phép trong một số trường hợp nhất định mà tại đó nồng độ trong không khí được dự kiến vượt quá các giới hạn phơi nhiễm. Sử dụng mặt nạ cấp khí áp suất dương nếu có bất kỳ nguy cơ nào về sự giải phóng không kiểm soát được, mức phơi nhiễm chưa được biết đến hoặc bất kỳ tình huống nào khác mà mặt nạ lọc khí không thể mang đến khả năng bảo vệ thích hợp.
<b>Các hiểm họa nhiệt</b>	Không có.
<b>Các lưu ý vệ sinh chung</b>	Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại. Để xa đồ ăn thức uống.

## 9. Tính chất lý hóa

<b>Ngoại Quan</b>	Chất lỏng.
<b>Trạng thái vật lý</b>	Chất lỏng.
<b>Dạng</b>	Không có.
<b>Màu</b>	Vàng
<b>Mùi</b>	Không có.
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	Không có.
<b>pH</b>	Không áp dụng.
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	Chưa xác định được.
<b>Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu</b>	Chưa xác định được.
<b>Nhiệt Độ Bốc Cháy</b>	Không có.
<b>Tốc độ bay hơi</b>	Chưa xác định được.
<b>Khả năng cháy (rắn, khí)</b>	Không có.
<b>Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ</b>	
<b>Giới hạn cháy - dưới (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn cháy - trên (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn nổ – dưới (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn nổ – trên (%)</b>	Không có.
<b>Áp suất hơi</b>	Chưa xác định được.
<b>Tỷ khối hơi</b>	Không có.
<b>(Các) độ tan</b>	
<b>Tính tan (nước)</b>	Không có.
<b>Hệ số phân tách (n-octanol/nước)</b>	Không có.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	Không có.
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	Không có.
<b>Độ nhớt</b>	Không có.
<b>Thông tin khác</b>	
<b>VOC (Trọng lượng %)</b>	< 95 g/l

---

## 10. Độ bền và khả năng phản ứng

<b>Khả năng phản ứng</b>	Không có.
<b>Độ bền hóa học</b>	Ổn định trong các điều kiện bảo quản khuyến nghị.
<b>Khả năng gây phản ứng nguy hiểm</b>	Không có.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Không có.
<b>Các vật liệu tương kỵ</b>	Các axit, kiềm mạnh và các chất oxy hóa. Axit mạnh và chất kiềm mạnh. các chất oxy hóa
<b>Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm</b>	Nitrogen oxide (NOx)., khói, Monoxit cacbon và dioxit cacbon.

---

## 11. Thông tin về độc tính

**Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.** Không có.

### Thông tin về các tác dụng độc

**Độc tính cấp tính** Không có.

**Ăn mòn/kích ứng da** Không có.

**Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng** Không có.

### Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

**Gây mẫn cảm đường hô hấp** Không có.

**Gây mẫn cảm da** Không có.

**Khả năng gây đột biến tế bào mầm** Không có.

**Khả năng gây ung thư** Không có.

**Độc tích sinh sản** Không có.

**Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc** Không có.

**Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại** Không có.

**Hiểm họa hít phải** Không có.

**Thông tin khác** Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này

---

## 12. Thông tin về sinh thái

**Độc tố thủy sinh** Độc đối với thủy sinh vật, có thể gây các tác dụng có hại lâu dài cho môi trường nước.

**Độc tính sinh thái** Không có dữ liệu độc sinh thái nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

**Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy** Không có.

**Khả năng tích tụ sinh học** Không có.

**Di chuyển trong đất** Không có.

**Các tác dụng có hại khác** Không có.

---

## 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

**Các Hướng Dẫn Thải Bỏ** Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng.  
Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước.  
Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh.  
Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.

---

## 14. Thông tin về việc vận chuyển

**Thông tin khác** Không phải là hàng hoá nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

---

## 15. Thông tin về quy định

### Các quy định quốc gia

#### Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT

Không được quy định.

---

## 16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

**Ngày Ban Hành**

13-Tháng-Tám-2016

**Phiên bản số**

01

**Khước Từ Trách Nhiệm**

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

**Thông Tin Sửa Đổi**

Lai Lịch Sản Phẩm và Công Ty: Từ Đồng Nghĩa  
Thành phần cấu tạo / thông tin về các thành phần: Tóm Tắt Thành Phần  
15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT: Risk Phrases - Labeling

**Thông tin nhà sản xuất**

HP Inc.  
1501 Page Mill Road  
Palo Alto, CA 94304-1112 US  
(Direct) +972 (9) 892-4628